

Hà Nội, ngày 14/06/2018

**BẢN TIN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**  
**CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH**  
**(Lưu vực sông Srêpôk)**  
**(Tuần từ 15/06 đến 21/06/2018)**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1.1. Lượng mưa**

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%) (So sánh với cột (4))				Dự báo tình hình mưa tuần tới (mm)
				TBNN	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(1)
1	Buôn Ma Thuột	35,4	451,7	-2,2%	-46%	30%	42%	16,9
2	M'Đrắk	8,1	402,4	-13%	-72%	76%	-74%	4,6
3	Ea Soup	0,0	0,0	-100%	-100%	-100%	-100%	20,8
4	Ea H'Leo	140,3	544,9	18%	-42%	10%	-77%	32,2
5	Buôn Hồ	85,8	497,2	21%	-43%	62%	-68%	19,2
6	Đức Xuyên	1,0	417,7	-17%	-43%	4,9%	-78%	10,6
7	Giang Sơn	24,3	377,3	-18%	-42%	31%	-81%	17,1
8	Bản Đôn	43,0	330,0	-25%	-46%	8,3%	-74%	16,7
<b>Trung bình</b>		<b>46,2</b>	<b>387,9</b>	<b>-13%</b>	<b>-51%</b>	<b>9,5%</b>	<b>-79%</b>	<b>18,3</b>

**Nhận xét:** Tuần qua lượng mưa dự báo trung bình lưu vực chênh lệch khoảng 1,1mm so với số liệu thực đo. Lượng mưa lũy tích từ tháng I/2018 đến trước tuần dự báo so với TBNN cùng kỳ hầu hết các trạm thấp hơn từ 2.2 ÷ 100%, riêng ở Buôn Hồ và Ea Hleo cao hơn 18 - 21% . So sánh với cùng kỳ năm 2017, lượng mưa lũy tích tại hầu hết các trạm đều thấp hơn từ 42 ÷ 100%. So sánh với cùng thời kỳ năm 2016, lượng mưa lũy tích hầu hết cao hơn từ 42 ÷ 76%. Dự báo tuần từ 15/VI ÷ 21/VI/2018 có lượng mưa từ 5 ÷ 30mm phân bố không đều trên lưu vực, trung bình lưu vực thấp hơn so với TBNN khoảng 69%.

**1.2. Ngược trong các công trình thủy lợi, thủy điện**

**a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi**

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (%) (Chênh lệch cột (3) với các năm)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2016	2015		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	Hồ Hoàng Ân	6,80	56%	+25%	+33%	+33%	Tăng	100%
2	Hồ TT ChưPrông	4,13	69%	+39%	+38%	+39%	Tăng	93%
3	Hồ Plepai-Ialốp	16,98	72%	+49%	+50%	+51%	Tăng	72%

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (%) (Chênh lệch cột (3) với các năm)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2016	2015		
4	Hồ Ia Glei	3,60	68%	+30%	+27%	+26%	Tăng	100%
5	Hồ Đrao I	2,22	75%	+16%	+17%	+14%	Tăng	100%
6	Hồ Buôn Jong	17,34	63%	+14%	+14%	+10%	Tăng	100%
7	Ea Kao	17,76	43%	+14%	+13%	+13%	Tăng	100%
8	Hồ Ea Chur Kấp hạ	11,20	87%	+10%	+14%	+11%	Tăng	100%
9	Hồ Buôn Triết	25,00	61%	+6%	+18%	+11%	Tăng	100%
10	Hồ Ea Kuãng	5,50	75%	+21%	+30%	+28%	Tăng	76%
11	Hồ Vụ Bồn	5,04	34%	-4%	-4%	-5%	Tăng	97%
12	Hồ Krông Buk hạ	109,34	44%	-8%	+6%	-2%	Tăng	100%
13	Hồ Yang Reh	5,46	45%	-3%	+12%	+5%	Tăng	100%
14	Hệ thống hồ Ea Soup	156,19	42%	+18%	+21%	+17%	Tăng	100%
15	Hồ Ea Kar	11,50	51%	+1%	+9%	+2%	Tăng	100%
16	Hồ Trung Tâm	1,22	99%	+33%	+44%	+37%	Tăng	100%
17	Hồ Ea Rót	18,53	47%	-24%	-21%	-21%	Tăng	100%
18	Hồ Đăk Đrông	4,22	13%	-3%	+7%	+404%	Tăng	100%
19	Hồ Trúc Sơn	0,93	10%	-25%	-6%	+35%	Tăng	100%
20	Hồ Đăk Diêr	5,92	47%	+6%	+23%	-31%	Tăng	100%
21	Hồ Đăk Săk	7,52	72%	+12%	+24%	-24%	Tăng	100%
22	Hồ Đăk Nang	2,76	100%	+32%	+40%	+130%	Giảm	100%
23	Hồ công ty 847	1,11	69%	+10%	+24%	+193%	Tăng	100%
24	Hồ Tây	3,33	68%	+11%	+19%	-32%	Tăng	90%
25	Hồ Đăk Goun thượng	1,02	75%	+30%	+46%	+186%	Tăng	100%
26	Hồ Đăk N' der 2	0,49	95%	+32%	+42%	+99%	Tăng	100%
27	Hồ Đô Ry 2	1,32	73%	+24%	+29%	-17%	Tăng	100%
28	Hồ Buôn R'cập	0,52	100%	+64%	+83%	+170%	Giảm	100%
<b>Tổng cộng</b>		<b>446,93</b>	<b>49%</b>	<b>+9%</b>	<b>+16%</b>	<b>+11%</b>	<b>Giảm</b>	

**Nhận xét:** Dung tích trữ trong các hồ chứa đều đầy hoặc xấp xỉ đầy hồ, tương đương 9% so với trung bình nhiều năm và tương đương 16% so với năm hạn nặng 2016

**b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du**

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng nước đến hồ (m <sup>3</sup> /s)	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m <sup>3</sup> /s)
				TBNN	Năm 2016	Năm 2015		
1	Buôn Tua Srah	522,60	70,77	-3%	-1%	-5%	71,11	72,26
2	Buôn Kuop	14,70	3,0	-32%	-40%	+20%	115,24	115,53
3	Srêpôk 3	62,85	46,8	8%	-23%	+41%	153,88	171,81
<b>Trung bình</b>		<b>200,05</b>	<b>40,2</b>	<b>-19,68%</b>	<b>-17,51%</b>	<b>-12,59%</b>	<b>113,41</b>	<b>119,87</b>

**Nhận xét:** - So với dung tích thiết kế thì hồ thủy điện Buôn Tua Srah đạt 14%, hồ Thủy điện Buôn Kuop đạt 20%, hồ Srêpôk 3 đạt 74% dung tích hồ

- Dự báo tổng lượng nước đến các hồ thủy điện là 113,41 triệu m<sup>3</sup>, tổng lượng xả qua các nhà máy thủy điện bổ sung nước cho hạ du khoảng 119,87 triệu m<sup>3</sup>

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HẠN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

- Trong lưu vực sông Srêpôk có 28 công trình vừa và lớn được đưa vào tính toán cân bằng nước với tổng dung tích thiết kế các hồ 447 triệu m<sup>3</sup>, trong đó tổng dung tích hữu ích thiết kế 394 triệu m<sup>3</sup>. Hiện nay các hồ vẫn xấp xỉ MNDBT, chỉ có một số ít hồ cạn nước, tổng dung tích hữu ích của các hồ hiện nay 221 triệu m<sup>3</sup>, trong khi tổng nhu cầu nước từ nay đến cuối vụ Hè Thu chỉ 67,27 triệu m<sup>3</sup> nên về nguồn nước có trong các hồ cơ bản đáp ứng nhu cầu cấp nước.

- Có 1/28 công trình (Hồ Đăk Đrông) nguồn nước bị thiếu do bố trí diện tích cây trồng quá lớn so với dung tích hiệu dụng nên trong vụ Hè Thu cần thiết phải tưới tiết kiệm để đảm bảo nhu cầu nước tối thiểu của cây trồng.

TT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2017-2018			Ghi chú
				Dung tích dự báo so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Hồ Hoàng Ân	56%	703	100%	100%	703	Đủ nước
2	Hồ TT ChưPrông	69%	287	93%	100%	287	Đủ nước
3	Hồ Plepai-Jalôp	72%	293	72%	100%	293	Đủ nước
4	Hồ Ia Glei	68%	209	100%	100%	209	Đủ nước
5	Hồ Đrao I	75%	176	100%	100%	176	Đủ nước
6	Hồ Buôn Jong	63%	2391	100%	100%	2.391	Đủ nước
7	Ea Kao	43%	968	100%	100%	968	Đủ nước
8	Hồ Ea Chur Kấp hạ	87%	1396	100%	100%	1.396	Đủ nước
9	Hồ Buôn Triết	61%	1492	100%	100%	1.492	Đủ nước
10	Hồ Ea Kuăng	75%	637	76%	100%	637	Đủ nước
11	Hồ Vụ Bôn	34%	249	97%	100%	249	Đủ nước
12	Hồ Krông Buk hạ	44%	7415	100%	100%	7.415	Đủ nước
13	Hồ Yang Reh	45%	316	100%	100%	316	Đủ nước
14	Hệ thống hồ Ea Soup	42%	5247	100%	100%	5.247	Đủ nước
15	Hồ Ea Kar	51%	1180	100%	100%	1.180	Đủ nước
16	Hồ Trung Tâm	99%	487	100%	100%	487	Đủ nước
17	Hồ Ea Rót	47%	2150	100%	100%	2.150	Đủ nước
18	Hồ Đăk Đrông	13%	497	100%	98%	487	Thiếu nước
19	Hồ Trúc Sơn	10%	296	100%	100%	296	Đủ nước
20	Hồ Đăk Diêr	47%	1257	100%	100%	1.257	Đủ nước
21	Hồ Đăk Săk	72%	1169	100%	100%	1.169	Đủ nước
22	Hồ Đăk Nang	100%	244	100%	100%	244	Đủ nước
23	Hồ công ty 847	69%	222	100%	100%	222	Đủ nước
24	Hồ Tây	68%	357	90%	100%	357	Đủ nước
25	Hồ Đăk Goun thượng	75%	166	100%	100%	166	Đủ nước
26	Hồ Đăk N' der 2	95%	81	100%	100%	81	Đủ nước
27	Hồ Đô Ry 2	73%	244	100%	100%	244	Đủ nước
28	Hồ Buôn R'cấp	100%	159	100%	100%	159	Đủ nước
<b>Tổng cộng</b>		<b>49%</b>					

## 2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Bảng tổng hợp thông tin nguồn nước và nhu cầu nước vùng nằm ngoài công trình thủy lợi theo kịch bản kiến nghị tính toán.

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
1	Buôn Ma Thuột	Cư M'Gar,	468,6		-11%	-91%	
		Buôn Ma Thuột					
2	M'Đrắk	M'Đrắk	407,0		-57%	-96%	
3	Ea Soup	Huyện Ea Soup	20,8		-95%	-100%	
4	Ea H'Leo	Ea Hleo, Chư Sê	577,1		14%	-86%	
5	Buôn Hồ	Krông Buk, Buôn Hồ,	516,4		11%	-89%	
		Krông Păk					
6	Đức Xuyên	Lắk, Krông Nô	428,3		-26%	-92%	
7	Giang Sơn	Krông Bông, Krư Kuin	394,4		-25%	-93%	
8	Bản Đôn	Buôn Đôn	346,7		-30%	-93%	
<b>Trung bình</b>			406,2		-19%	-87%	

**Nhận xét:** Lượng mưa lũy tích tính từ tháng I năm 2018 đến hết tuần dự báo phân bố không đều trên lưu vực, do lượng mưa các tháng đầu năm thấp nên hầu hết toàn vùng có lượng mưa lũy tích từ trên 300 - 500mm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 11 ÷ 95%, có nơi cao hơn 11 ÷ 14% so với TBNN.

## 2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
310.000	40.000	270.000					

## III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh được lấy từ các hệ thống công trình thủy lợi đủ đảm bảo cấp nước trong tuần tới. Tuy nhiên vẫn cần sử dụng nước tiết kiệm để đảm bảo nguồn nước từ nay đến cuối vụ đông xuân và cho vụ hè thu.

Nhìn chung, đối với những vùng tưới không sử dụng nước từ các công trình thủy lợi, tình hình hạn hán trong vụ Đông Xuân 2017-2018 được dự báo sẽ không khác nghiệt. Tuy nhiên do mùa khô có lượng mưa rất thấp, một số vùng xa vùng có mưa lượng mưa hiệu quả không đáp ứng được 100% nhu cầu nước của cây trồng, nên việc đáp ứng nhu cầu nước cho cây trồng đối với những vùng này vẫn luôn tiềm ẩn khả năng xảy ra hạn hán khi tình hình thời tiết có những diễn biến theo chiều hướng khác nghiệt. Vì vậy cần tích trữ nước đồng thời sử dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, giảm tổn thất bốc hơi mặt ruộng và các công cụ lưu trữ nước khác.

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 22/06/2018.**